

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-PT
Ngày 27-8-2025
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Ngọc Toàn

2. Ông Trương Quyết Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2025/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân T; số CCCD: 025052004614, ngày cấp 02/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số nhà 32, tổ 15A, khu 5, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (nay là: Số nhà 32, tổ 15A, khu 5, phường NT, tỉnh Phú Thọ); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L; số CCCD: 025153001705, ngày cấp 22/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn KB, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là: Thôn BK, xã CT, tỉnh Lào Cai); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Thanh B, số CCCD: 025054000307, ngày cấp 26/12/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà Đào Thị Bích A, số CCCD: 025166008598, ngày cấp 12/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Cùng địa chỉ: Khu 1, xã VL, huyện HH, tỉnh Phú Thọ (nay là: Khu 1, xã VL, tỉnh Phú Thọ); đều có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, số CCCD: 025155008410, ngày cấp 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Khu 3, xã MH, huyện HH, tỉnh Phú Thọ (nay là: Khu 1, xã Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ); có mặt.

+ Anh Trần Văn X, số CCCD: 025084000037, ngày cấp 08/7/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Thôn 3, xã KX, huyện TT, Thành phố Hà Nội (nay là: Thôn 3, KX, xã YX, Thành phố Hà Nội); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Xuân T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Trần Xuân T theo giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 được chứng thực tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ, số chứng thực 2234, quyển số 02/2021TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó ông T nhận ủy quyền của bà L để thay mặt bà L (nguyên đơn) trực tiếp tham gia tố tụng dân sự tại Tòa án, yêu cầu thi hành án để đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn C và cụ Trần Thị D (bố, mẹ đẻ của bà L) để lại với bị đơn là ông Nguyễn Quốc E, sinh năm 1966, địa chỉ khu 5 thị trấn HH, huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Ông T đã thực hiện công việc ủy quyền tham gia tố tụng tại các cấp xét xử, tại bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Phú Thọ đã quyết định chia di sản thừa kế trong đó bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 198m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 148m² đất vườn) tại thửa đất số 152, tờ Bản đồ số 30, địa chỉ: Khu 5, thị trấn Hạ Hòa, huyện HH, tỉnh Phú Thọ, trị giá 542.200.000 đồng. Việc thực hiện ủy quyền giữa ông T và bà L ở giai đoạn xét xử đã xong. Vì trong Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, hai bên công chứng tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Phú Thọ thì việc ủy quyền chưa thể hiện rõ nội dung thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là Chi cục THADS) huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Hai bên tiếp tục làm Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hoà, bà L ủy quyền cho ông T được làm đơn yêu cầu thi hành án và trực tiếp giao dịch làm việc với Cơ quan Thi hành án dân sự để thi hành Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND huyện HH, tỉnh Phú Thọ và Quyết định đình chỉ số 09/2023/QĐ-PT ngày 13/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong các Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, ngày 10/10/2023, ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị L không ghi về thù lao chi phí của việc ủy quyền mà chỉ có thỏa thuận bằng miệng với nhau về chi phí thù lao của việc ủy quyền là 20% giá trị tài sản mà bà L sẽ được nhận theo giá thị trường tự do tại thời điểm thi hành án (việc thỏa thuận không có văn bản nào thể hiện). Theo ông T được biết giá thị trường tự do tại thời điểm thi hành án của thửa đất bà L được hưởng là 1,5 tỉ đồng. Tuy nhiên theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thì bà L được hưởng thửa đất có trị giá là 545.200.000 đồng (do Tòa án thẩm định tại thời điểm xét xử sơ thẩm).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 02/10/2023 ông T làm đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Ngày 06/10/2023, Chi Cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ ra quyết định thi hành án theo đơn yêu

cầu số 02/QĐ-CCTHADS thi hành bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 đối với người phải thi hành án ông Nguyễn Quốc E và bà Nguyễn Thị P. Do người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án nên ngày 22/12/2023, Chi cục THADS huyện HH ra quyết định số 04/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất đối với ông E và bà P. Việc thi hành án dân sự bị tạm đình chỉ do bản án số 15/2022/DS-ST bị kháng nghị Giám đốc thẩm. Ngày 06/9/2024, Chi cục THADS ra quyết định số 11/QĐ-CCTHADS về việc tiếp tục thi hành án đối với ông E và bà P, do ông E, bà P là người phải thi hành án thiếu thiện chí thi hành nên Chi cục THADS huyện HH đã lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án. Quá trình thi hành án ngày 12, 13, 18/12/2024 bà L đã đơn phương yêu cầu đình chỉ thi hành án và hủy ủy quyền không thông báo cho ông T, không được sự đồng ý của ông T. Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ có gửi Thông báo số 614/TB-THA ngày 23/12/2024 kèm Đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền của bà Nguyễn Thị L cho ông T và thông báo yêu cầu ông T đến làm việc ngày 27/12/2024. Tại buổi làm việc ngày 27/12/2024 bà L vắng mặt, ông T không nhất trí với yêu cầu đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền của bà L. Ông T khởi kiện bà L tại Tòa án, yêu cầu bà L tiếp tục thực hiện Hợp đồng ủy quyền đã ký giữa hai bên ngày 10/11/2021 và ngày 10/10/2023.

Tại bản tự khai bổ sung đề ngày 18/5/2025, ông T bổ sung yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán chi phí cho ông T với số tiền 200.000.000 đồng trừ đi số tiền bà L đã tạm ứng trước cho ông T là 40.000.000 đồng, số tiền bà L còn phải trả là 160.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T chỉ yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền 109.000.000 đồng - 40.000.000 đồng (đã nhận) = 69.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L được ông Nguyễn Thanh B (có vợ là Đào Thị Bích A) giới thiệu ông Trần Xuân T là bạn thân của ông B, tại nhà ông B có bà L, bà A, bà H (em gái của bà L), ông T thỏa thuận về việc ủy quyền cho ông T, quá trình trao đổi thỏa thuận bà L và ông T có thỏa thuận về thù lao, ông T nói “với người ngoài là 20% giá trị tài sản được nhận theo bản án của Tòa án nhưng người nhà thì không đến thế đâu”. Sau đó, bà L và ông T có ký kết giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ và giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 để ông T thay mặt bà L tham gia tố tụng tại Tòa án và làm đơn thi hành án dân sự, làm việc trực tiếp với Cơ quan Thi hành án lấy phần đất đã được Tòa án chia cho bà theo bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Việc ủy quyền là tự nguyện, quá trình làm các giấy ủy quyền đều không ghi rõ về thù lao vào hợp đồng, nhưng bà L đã trả tiền cho ông T nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, ngoài ra không đưa thêm khoản tiền nào khác. Sau khi ủy quyền các bên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện ủy quyền, có thông báo đầy đủ tiến trình thực hiện việc ủy quyền cho nhau, ông T đã thực hiện xong việc ủy quyền ở giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Quá trình thi hành án dân sự, ngày 12/12/2024 bà L và người phải thi hành án đã tự thỏa thuận được với nhau về mọi nội dung thi hành án, đồng thời bà L làm đơn đề nghị đình chỉ Thi hành án, hủy ủy quyền, việc bà L viết đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền ngày 12/12/2024 là ý kiến chấm dứt việc ủy quyền với ông T, không tiếp tục ủy quyền cho ông T nữa. Ngày 30/12/2024, bà L tiếp tục có xác nhận việc bà

chấm dứt việc ủy quyền cho ông T gửi cho Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Lý do chấm dứt việc ủy quyền với ông T là do bà L đã tự thỏa thuận thi hành án với ông E mà không cần phải có Cơ quan Thi hành án can thiệp nữa, bà L không có thỏa thuận nào với anh Trần Văn X. Khi chấm dứt việc ủy quyền với ông T thì bà L không thông báo cho ông T mà chỉ nộp đơn đề nghị tới Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định của pháp luật thì Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ sẽ thông báo cho ông T đến để làm việc, nên bà L coi đây là hình thức thông báo cho ông T biết thông qua Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Việc thi hành án của bà L đã kết thúc, việc ủy quyền đã chấm dứt theo Điều 2 của Giấy ủy quyền ngày 11/10/2021. Giấy ủy quyền giữa bà L và ông T không có điều khoản gì về bồi thường hay ràng buộc gì về tài chính đi kèm, ông T khởi kiện hoàn toàn không có căn cứ, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà L không có ý kiến, yêu cầu gì khác với ông T.

Tại văn bản số 07/CV-PCC2 ngày 13/02/2025 của phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ trả lời Văn bản số 22/2025/TA của Tòa án nhân dân huyện VC với nội dung: Từ sau khi công chứng giấy ủy quyền số 2234, quyền số 02/2021TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 10/11/2021 cho đến nay người ủy quyền là bà Nguyễn Thị L và người được ủy quyền ông Trần Xuân T không thực hiện việc sửa đổi bổ sung hoặc hủy bỏ Giấy ủy quyền tại Phòng công chứng số 02. Trên hệ thống quản lý dữ liệu công chứng không thể hiện việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền nêu trên, hiện nay trên hệ thống không thể hiện việc ủy quyền giữa ông T và bà L thực hiện tại phòng Công chứng số 02 trên hệ thống quản lý dữ liệu công chứng.

Tại Công văn số 64/CV-CCTHADS ngày 24/02/2025, Công văn số 105/CV-CCTHADS ngày 20/3/2025, Công văn số 221/CV-CCTHADS ngày 03/6/2025 của Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ với nội dung: Căn cứ vào Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND huyện HH, tỉnh Phú Thọ và Quyết định chỉ số 09/2023/QĐ-PT ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 giữa ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị L đã ký tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục THADS huyện HH đã ra quyết định thi hành án và đơn đốc thi hành án theo quy định của pháp luật. Quá trình thi hành án ngày 17/12/2024, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ nhận được đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền của bà Nguyễn Thị L; ngày 03/01/2025, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ tiếp tục nhận được văn bản của bà Nguyễn Thị L về việc chấm dứt việc ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đề ngày 31/12/2024. Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ đều đã thông báo cho ông T được biết. Ngày 05/3/2025, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ đã ban hành quyết định đình chỉ thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 05/3/2025. Sau khi ra quyết định đình chỉ thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 05/3/2025, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ xét thấy việc bà L đã thỏa thuận với ông E, bà P nhận khoản tiền phù hợp với giá trị thửa đất giao cho bà L theo quyết định thi hành án và nộp phí thi hành án theo quy định, việc ra quyết định đình chỉ thi hành án là chưa phù hợp nên ngày 27/5/2025 đã ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 05/3/2025, để chuyển việc thi hành án sang thực hiện xong nghĩa vụ theo quyết định thi hành án.

** Những người làm chứng có ý kiến trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh B: Do có sự tranh chấp về di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn C và cụ Trần Thị D là bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc Đ (đã chết năm 2007 có hai người con là Nguyễn Thùy O và Nguyễn Bích N), bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Quốc T2, ông Nguyễn Quốc E để lại khi qua đời, năm 2021 bà L đã làm đơn khởi kiện ông E ra Tòa án để yêu cầu chia di sản thừa kế, quá trình Tòa án giải quyết ông E và các đương sự khác trong vụ án cố tình vắng mặt không hợp tác gây nhiều khó khăn cho bà L, bà H nên họ muốn tìm người am hiểu pháp luật để trực tiếp giải quyết vụ án. Xuất phát từ mối quan hệ trong gia đình (vợ ông là bà Đào Thị Bích A có con là Nguyễn Thùy O và Nguyễn Bích N với ông Nguyễn Quốc Đ (đã chết)), ông B đã giới thiệu ông Trần Xuân T là bạn học cấp 3 cho bà L, bà H, bà A. Sau khi bà L, Huệ trực tiếp gặp ông T tại gia đình ông B, bà A các bên trao đổi, bàn bạc thống nhất đều ủy quyền cho ông T trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để giải quyết vụ án và phối hợp với Cơ quan thi hành án dân sự để thi hành phán quyết của Tòa án đảm bảo quyền lợi ích cho họ. Các bên thỏa thuận miệng về chi trả thù lao cho ông T theo tỷ lệ 20% trị giá tài sản được nhận theo kết quả bản án của Tòa án, bà A và bà H đều công nhận việc thỏa thuận thù lao như vậy, gần đây bà H đã tiếp tục có trách nhiệm trả tiền thù lao cho ông T. Việc ông T bà L ký kết các giấy ủy quyền với nhau tại văn phòng công chứng và thanh toán tiền như thế nào ông B không biết nội dung và không tham gia, ông B không có lợi ích cá nhân gì trong việc ủy quyền giữa ông T và bà L. Ông B đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Đào Thị Bích A: Bà A nhất trí với ý kiến đã trình bày của ông B. Do ông B có quan hệ quen biết với người hiểu biết về pháp luật nên bà L, bà H có nhờ tìm người am hiểu pháp luật tư vấn vụ án tranh chấp di sản thừa kế của gia đình, ông B đã giới thiệu ông T. Tại nhà bà A với sự có mặt của ông B thì bà L, bà H, bà A (đại diện cho hai con Nguyễn Thùy O và Nguyễn Bích N thuộc diện được chia thừa kế) đã thỏa thuận với ông T về việc thỏa thuận cho ông T tham gia tố tụng tại tòa án, thi hành án, vì ông T là bạn của ông B nên mới đồng ý thỏa thuận miệng trả tiền thù lao cho ông T là 20% giá trị tài sản theo kết quả bản án của Tòa án. Bà L, bà H, bà A đã tự trả cho ông T mỗi người 40.000.000 đồng, phần còn lại bà A, bà H đều có trách nhiệm tiếp tục trả cho ông T. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H: Bà H và bà L (chị gái bà H), gặp ông T tại nhà ông B, bà A (ông T do ông B giới thiệu, đồng thời ông T cũng là bạn của ông Tấn anh trai bà H) đã thống nhất ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để giải quyết vụ án chia di sản thừa kế, các bên đều tự nguyện nhất trí chi trả các chi phí cho ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi nhận được tài sản phân chia theo quyết định của Tòa án theo tỷ lệ 20% trên tổng giá trị tài sản được chia, ông T đã yêu cầu lập hợp đồng chi phí như nội dung đã thỏa thuận, song bà H, bà L, bà A đều nói không cần làm văn bản vì chỗ quan hệ quen biết với ông B và anh Tấn nên ông T cũng đồng ý, sau đó bà L, bà H, bà A đã tạm ứng cho ông T mỗi người 40.000.000 đồng để làm cơ sở căn cứ cho việc ủy quyền, ông T đã thực hiện xong trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp và tại cơ quan thi hành án, chỉ chờ ngày nhận tài sản. Tuy nhiên, trong khi chờ Cơ quan thi hành án dân sự huyện HH cưỡng chế thi hành án thì bà L gọi điện bàn với bà H là có

cháu U, con trai bà Thu muốn mua lại toàn bộ diện tích đất, trả tiền mỗi ô là 300.000.000 đồng, các chi phí trả cho ông T do cháu U chịu trách nhiệm chi trả, đề nghị hủy ủy quyền với ông T và đề nghị đình chỉ thi hành án. Bà đồng ý theo bà L và ký đơn đề nghị hủy ủy quyền, đình chỉ thi hành án do cháu U soạn, sau đó cháu U chuyển tiền cho bà H 600.000.000 đồng để trả cho bà H, bà L. Khi nhận được thông báo khởi kiện của Tòa án huyện HH về việc ông T yêu cầu tiếp tục thực hiện ủy quyền, bà H đã trả cho ông T số tiền 69.000.000 đồng, ông T đã nhận đủ số tiền. Việc bà L và cháu U, bà L và ông T hiện giải quyết như thế nào bà H không biết. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

Anh Trần Văn X trình bày: Việc giao kết chi phí giữa ông T và bà L, anh U không được biết, anh U không có hứa hẹn gì với ông T, bà L về bất cứ khoản tiền nào. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Tại Bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai) đã Quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 140; khoản 4 Điều 422; Điều 562; Điều 563; Điều 569 của Bộ luật Dân sự:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L tiếp tục thực hiện việc ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 công chứng tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ và Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 công chứng tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hòa, tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2025, ông Trần Xuân T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ngày 09/7/2025, ông Trần Xuân T có đơn kháng cáo bổ sung: Nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm:

+ Sửa bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai);

+ Buộc bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng ủy quyền đã ký kết giữa hai bên ngày 10/11/2021 và ngày 10/10/2023. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền thù lao còn lại cho ông T là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng);

+ Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai triệu tập những người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn X tham gia phiên tòa phúc thẩm để làm rõ vụ việc.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Xuân T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai).

Về án phí: Tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung của nguyên đơn ông Trần Xuân T đúng hình thức, nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên là hợp lệ đủ điều kiện để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai) xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người làm chứng anh Trần Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn HĐXX thấy:

[2.1] Về Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, công chứng tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ số công chứng 2234, quyền số 02/2021TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 10/11/2021 (sau đây viết tắt là Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021) và Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 công chứng tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hòa, thị trấn Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ số công chứng 536, quyền số 01/2023TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 10/10/2023 (sau đây viết tắt là Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023) được ký kết giữa ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị L:

Tại thời điểm ký kết các Giấy ủy quyền các bên đều hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, các nội dung trong các giấy ủy quyền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đều đã được công chứng, là sự thể hiện ý chí thỏa thuận giữa các bên theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc thay mặt, nhân danh bên ủy quyền liên hệ với Tòa án các cấp và Cơ quan Thi hành án để tham gia giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Nguyễn Ngọc E. Do đó, các giấy ủy quyền được ký kết giữa ông T và bà L là đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tuy nhiên, các giấy ủy quyền nêu trên đều không thể hiện việc ủy quyền có thù lao hay ủy quyền không có thù lao, nhưng trên thực tế bà L và ông T đều thừa nhận khi giao dịch, thỏa thuận có đề cập đến việc trả thù lao. Ông T tham gia vào việc ủy quyền với mục đích hưởng thù lao và đã nhận tiền thù lao từ bà L với số tiền là 40.000.000 đồng, từ đó cho thấy việc ủy quyền giữa bà L và ông T được xác định là ủy quyền có thù lao.

Sau khi ký kết các giấy ủy quyền ông T đã thực hiện xong công việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp, đã làm đơn yêu cầu thi hành án dân sự. Ngày 06/10/2023, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 02/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023 (sau đây viết tắt là Quyết định thi hành án số 02) để thi hành án Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Bản án số 15) và Quyết định đình chỉ phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Quyết định số 09). Quá trình thi hành án dân sự người được thi hành án bà Nguyễn Thị L đã tự thỏa thuận được việc thi hành án với người phải thi hành án ông Nguyễn Quốc E và bà Nguyễn Thị P. Ngày 12/12/2024, bà Nguyễn Thị L đã có đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền gửi Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 13/12/2024, Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ đã ban hành Thông báo số 614/TB-THA thông báo cho ông Trần Xuân T đến Chi cục THADS huyện HH để giải quyết đơn đề nghị đình chỉ thi hành án của bà L.

Tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 27/12/2024 của Chi cục THADS huyện HH thể hiện bà L vắng mặt, ông T có mặt và không nhất trí việc bà L đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền.

Ngày 30/12/2024, bà Nguyễn Thị L tiếp tục có văn bản chấm dứt ủy quyền gửi Chi cục THADS huyện HH. Ngày 22/01/2025, Chi cục THADS huyện HH ra thông báo thi hành án số 22/TB-THA thông báo cho ông T về việc bà L chấm dứt việc ủy quyền. Tại biên bản về việc giải quyết thi hành án của Chi cục THADS huyện HH ngày 05/3/2025, bà L trình bày việc đơn phương chấm ủy quyền với ông T, bà L đã tự thỏa thuận được việc thi hành án với ông E, bà P và đề nghị đình chỉ thi hành án.

Ngày 05/3/2025, Chi cục THADS huyện HH ban hành quyết định về việc đình chỉ thi hành án số 04/QĐ-CCTHA-DS. Ngày 03/6/2025, Chi cục THADS huyện HH có Công văn thông báo về việc thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án

số 04/QĐ-CCTHA-DS (Quyết định thu hồi về thi hành án số 10/QĐ-CCTHADS ngày 27/5/2025) để chuyển việc thi hành án sang thực hiện xong nghĩa vụ theo quyết định thi hành án.

Việc bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, hủy ủy quyền ngày 12/12/2024 và văn bản chấm dứt việc ủy quyền ngày 30/12/2024 gửi Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ là thể hiện ý kiến, yêu cầu chấm dứt ủy quyền của bà L với ông T, được xác định là hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền, yêu cầu chấm dứt ủy quyền này của bà L đã được bà L gửi đến Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Phú Thọ và sau đó Chi cục THADS huyện HH đã thông báo cho ông T được biết.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Dân sự quy định về việc đại diện theo ủy quyền chấm dứt khi người được đại diện đơn phương chấm dứt thực hiện việc ủy quyền và khoản 4 Điều 422 của Bộ luật Dân sự quy định về chấm dứt hợp đồng trong trường hợp: “... *Hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện*”; khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền: “1. *Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại;... Bên ủy quyền phải báo bằng văn bản cho người thứ ba biết về việc bên ủy quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng; nếu không báo thì hợp đồng với người thứ ba vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết về việc hợp đồng ủy quyền đã bị chấm dứt....*”.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị chấm dứt thực hiện việc ủy quyền với ông Trần Xuân T là đúng quy định. Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền đã ký kết giữa hai bên ngày 10/11/2021 và ngày 10/10/2023 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Ngày 18/5/2025 ông T bổ sung yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng là yêu cầu bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ông T chi phí thù lao với số tiền 69.000.000 đồng.

Ngày 13/5/2025, Tòa án nhân huyện VC, tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2025/QĐXXST-TCDS. Yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T về buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 69.000.000 đồng đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T là đúng quy định. Xét thấy, yêu cầu này của ông T tại cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xét. Ông T có thể khởi kiện đến Tòa án để được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Về yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai triệu tập những người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn X tham gia phiên tòa phúc thẩm để làm rõ vụ việc:

Tại cấp sơ thẩm những người làm chứng nêu trên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ đã có ý kiến của những người làm

chứng nên sự vắng mặt của họ không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Tòa án phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng nói trên nhưng người làm chứng anh Trần Văn X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy vụ án được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Lào Cai).

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Xuân T được miễn án phí vì là người cao tuổi.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Lào Cai) như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 140, khoản 4 Điều 422; Điều 562; Điều 563; Điều 569 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L tiếp tục thực hiện việc ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 công chứng tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ và Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 công chứng tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí: Ông Trần Xuân T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Xuân T được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND khu vực 4 - Lào Cai;
- VKSND khu vực 4-Lào Cai;
- THA dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân